

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2023/KDTM - PT.

Ngày : 28,29/9/2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng kinh tế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.*

*Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Xuân Tuấn*

*Bà Lê Thúy Linh*

*Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Ông Nguyễn Trung Kiên*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Phạm Thị Liên - KSV*

Ngày 28, 29 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 129/2023/TLPT - KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2023 về Tranh chấp Hợp đồng kinh tế.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/ KDTM – ST, ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 682/2023/ QĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty Cổ phần thí nghiệm S ( gọi tắt Công ty S)**

Trụ sở: Lô 3, Bãi Phúc Xá, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung Kiên – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV SLC.

Trụ sở: BT16A3-12 Làng Việt Kiều Châu Âu, Khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Luật sư Phạm Hồng Sơn – Giám đốc.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15/11/2021).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức Dư (Theo Quyết định số 44/QĐ-SLC ngày 20/6/2023).

**Bị đơn: Tổng Công ty Xây dựng - Công ty CP ( gọi tắt Công ty 1 )**

Trụ sở : Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc Đàn – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH WINLEGAL

Người được ủy quyền lại: Ông Lò Minh Dũng.

Ông Dư, ông Dũng có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2022 Công ty S trình bày:*

Công ty S và Công ty 1 ký Hợp đồng số 0555/TCT-KH ngày 30/5/2017. Theo đó, Công ty 1 đồng ý giao, Công ty S đồng ý nhận “thực hiện công tác thí nghiệm và kiểm tra tại Gói thầu BP04: Cơ sở hạ tầng, chuẩn bị công trường và cầu dẫn” thuộc Dự án Nhà ga hành khách Quốc tế Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa theo yêu cầu kỹ thuật của dự án trong phạm vi của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 229/GCN-BXD ngày 11/05/2017 của Bộ Xây dựng về khả năng thực hiện các thí nghiệm LAS – XD1014.

Phương thức Thanh toán và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng :

### 5.1. Tạm ứng hợp đồng:

Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền: 469.398.151 đồng tương ứng 20% giá hợp đồng. Bên B phải cung cấp cho Bên A 01 bảo lãnh tạm ứng (theo mẫu của Bên A) tương đương với số tiền được tạm ứng trước khi Bên A tạm ứng cho Bên B.

Tiền tạm ứng sẽ được Bên A thu hồi ngay từ bảng thanh toán đầu tiên, sẽ được khấu trừ dần trong các bảng thanh toán tiếp theo và sẽ được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng.

Trong trường hợp vì một lý do nào đó hợp đồng bị chấm dứt mà chưa thu hồi hết tiền tạm ứng thì bên B sẽ phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi hết cho bên A ngay sau khi có thông báo của bên A về việc chấm dứt hợp đồng này.

### 5.2. Khối lượng thanh toán:

Là khối lượng tương ứng với tỷ lệ giá trị xây lắp từng đợt thanh toán được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát xác nhận. Bên A chỉ nghiệm thu khối lượng công việc thí nghiệm khi bên B đã hoàn thành hợp lệ, có đầy đủ hồ sơ kiểm tra chất lượng được bên A chấp thuận

5.3. Giá trị thanh toán cho bên B là giá trị nghiệm thu hoàn thành được bên A xác nhận sau khi đã khấu trừ các khoản công nợ, tạm ứng giữa hai bên theo từng đợt.

Trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên A nhận được tiền từ Chủ đầu tư và bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B, bên A sẽ thanh toán cho bên B 95% giá trị từng đợt, 5% còn lại sẽ thanh toán sau khi quyết toán hợp đồng.

Trước khi thanh toán, bên B phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) cho bên A theo giá trị doanh thu được hai bên xác nhận.

5.4. Giá trị quyết toán hợp đồng là giá trị xây lắp bên A được Chủ đầu tư xác nhận thanh toán nhân với tỷ lệ ở trên...”

- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo hành và bảo hiểm

#### 7.1. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

Bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo mẫu của bên A quy định tương đương với 10% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có giá trị và hiệu lực tới khi bên B thi công, hoàn thành công trình tương ứng với hợp đồng đã ký kết được bên A nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu đến trước 05 ngày hết hạn của bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà bên B vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng đã ký kết, Bên B sẽ phải gia hạn thời gian của bảo lãnh thực hiện cho đến khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Bên B sẽ không được nhận lại bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành...”

- Quá trình thực hiện hợp đồng :

Tổng giá trị hợp đồng mà Công ty S đã xuất hóa đơn cho Công ty 1 là: 2.335.539.082 đồng, cụ thể:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000033 ngày 22/07/2017: 144.582.118 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000038 ngày 17/08/2017: 87.088.943 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000045 ngày 20/09/2017: 106.361.943 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000049 ngày 03/11/2017: 189.908.907 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000053 ngày 28/11/2017: 121.138.364 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000063 ngày 31/12/2017: 197.261.062 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000072 ngày 24/01/2018: 293.349.630 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000082 ngày 02/03/2018: 302.761.752 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000088 ngày 20/04/2018: 214.695.504 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000094 ngày 05/06/2018: 414.607.406 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000119 ngày 24/12/2018: 263.783.453 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty S đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng mà hai bên đã ký kết như: Thực hiện đúng công tác thí nghiệm và kiểm tra theo thỏa thuận trong hợp đồng, đảm bảo về yêu cầu của Giấy chứng nhận hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 229/GCN-BXD ngày 11/05/2017 của Bộ Xây dựng, xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng... Tuy nhiên, Công ty 1 mới chỉ thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là: 1.823.278.025 đồng, cụ thể :

Ngày 16/06/2017: 469.000.000 đồng.

Ngày 26/07/2017: 107.000.000 đồng.

Ngày 31/08/2017: 64.000.000 đồng.

Ngày 13/10/2017: 78.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2017: 134.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2017: 96.931.242 đồng.

Ngày 05/01/2018: 157.842.314 đồng.

Ngày 09/02/2018: 234.729.469 đồng.

Ngày 04/04/2018: 181.775.000 đồng.

Ngày 25/06/2018: 100.000.000 đồng.

Ngày 20/09/2018: 200.000.000 đồng.

Sau khi kiểm tra biên bản giao hàng, hóa đơn GTGT: Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty 1 còn phải thanh toán cho Công ty S số tiền là: 512.261.057 đồng .

Công ty S đã đơn đốc, tạo điều kiện cho Công ty 1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty 1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Công ty S cũng đã nhiều lần liên hệ làm việc, gửi công văn yêu cầu Công ty 1 thanh toán số tiền trên nhưng không nhận được phản hồi. Việc làm trên của Công ty 1 đã gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S.

Công ty S đề nghị giải quyết những yêu cầu sau:

Buộc Công ty 1 thanh toán cho Công ty S số nợ gốc là: 512.261.057 đồng.

Buộc Công ty 1 thanh toán tổng tiền lãi do chậm trả trên từng hóa đơn với số tiền nợ gốc là: 512.261.057 đồng từ ngày 22/07/2017 tạm tính đến ngày 11/02/2022 với mức lãi suất 10%/năm (lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015) là: 156.754.268 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến ngày Công ty 1 thanh toán toàn bộ khoản công nợ nêu trên.

Như vậy, tổng số tiền Công ty 1 còn phải thanh toán cho Công ty S gốc và lãi là 669.015.325 đồng.

Bị đơn là Công ty 1 đã được Tòa án tổng đạt nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai, không có ý kiến phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa sơ thẩm :*

Công ty S trình bày: Yêu cầu Công ty 1 phải trả nợ gốc: 512.261.057 đồng và lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 25/12/2018 ( sau ngày xuất hóa đơn cuối cùng, hóa đơn cuối cùng là ngày 24/12/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm (08/02/2023) là 1507 ngày với mức lãi suất 10%/năm (lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015) là: 512.261.057 đồng x 1507 ngày x 10%/năm (365) = 211.500.661 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 723.761.718 đồng.

Trường hợp mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cao hơn lãi suất 10%/năm thì Nguyên đơn cũng chỉ đề nghị áp dụng lãi suất 10%/năm.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/ KDTM – ST, ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình đã quyết định như sau :

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thí nghiệm S đối với Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP về tranh chấp hợp đồng kinh tế ( hợp đồng số 0555/TCT-KH ngày 30/5/2017).

Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Thí nghiệm S số tiền: 723.761.718 đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 512.261.057 đồng.

Lãi chậm trả: 211.500.661 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP phải chịu án phí là 32.950.469 đồng.

Công ty Cổ phần Thí nghiệm S không phải chịu án phí, được nhận lại 15.400.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0002628 ngày 03/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

**Sau khi xét xử sơ thẩm:**

- Công ty 1 kháng cáo 1 phần bản án đề nghị giảm toàn bộ lãi.

**Tại phiên tòa phúc thẩm :**

***Công ty S và Công ty 1 thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung sau:***

Công ty 1 xác nhận còn nợ Công ty S số tiền nợ gốc 512.261.057 đồng. Công ty 1 sẽ trả Công ty S số tiền 512.261.057 đồng chậm nhất vào ngày 31/12/2023. Nếu sau ngày 31/12/2023 Công ty 1 không trả Công ty S số tiền 512.261.057 đồng thì Công ty 1 phải trả cho Công ty S số tiền lãi của số tiền nợ gốc 512.261.057 đồng theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự từ ngày 1/1/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc.

Về án phí : Công ty 1, Công ty S đề nghị giải quyết theo pháp luật.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:***

*Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đơn kháng cáo của Công ty 1 trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty S và Công ty 1 thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là phù hợp pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 300, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên.

Về án phí : Công ty 1 phải chịu án phí phúc thẩm, án phí sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của Công ty 1 trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- **Về Nội dung** : Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty S và Công ty 1 đã thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, xét thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên căn cứ điều 300, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của hai bên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

***Từ những nhận định trên!***

Căn cứ điều 306 Luật Thương mại .

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, điều 300, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 26, khoản 5 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH**

Xử : Chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP.

*Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm 05/2023/ KDTM – ST, ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình và quyết định như sau :*

1/ Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty 1 và Công ty Cổ phần Thí nghiệm S như sau:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thí nghiệm S đối với Công ty 1 về tranh chấp hợp đồng kinh tế ( hợp đồng số 0555/TCT-KH ngày 30/5/2017).

Công ty 1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Thí nghiệm S số tiền Nợ gốc: 512.261.057 đồng chậm nhất vào ngày 31/12/2023.

Nếu sau ngày 31/12/2023 Công ty 1 không trả Công ty Cổ phần Thí nghiệm S số tiền nợ gốc 512.261.057 đồng thì ngoài số nợ gốc nêu trên Công ty 1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Thí nghiệm S số tiền lãi của số tiền nợ gốc 512.261.057 đồng theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 từ ngày 1/1/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc.

2/ Về án phí:

Công ty 1 phải chịu án phí là 24.490.000 đồng ( làm tròn ) và 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nộp tại biên lai số 7594 ngày 16/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. Còn phải nộp 24.490.000 đồng.

Công ty Cổ phần Thí nghiệm S được nhận lại 15.400.000 đồng tạm ứng án phí nộp tại biên lai số 0002628 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 29/09/2023.

Nơi nhận:

- TAND Quận Ba Đình.
- Chi cục THADS Quận Ba Đình
- VKSND TP Hà nội .
- Dương sự.
- Lưu.

**TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

